

Số: 3254/TB-BVT

Quảng Ninh, ngày 12 tháng 11 năm 2024

V/v đề nghị báo giá thuốc cho nhà
thuốc bệnh viện

Kính gửi: Các công ty sản xuất/ nhập khẩu/ kinh doanh thuốc.

Căn cứ Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023.

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 07/2024/TT-BYT ngày 17/5/2024 của Bộ Y tế Quy định về đấu thầu thuốc tại cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Thông tư 15/2011/TT-BYT ngày 19/04/2021 quy định về tổ chức và hoạt động của cơ sở bán lẻ thuốc trong bệnh viện.

Để có căn cứ xây dựng kế hoạch mua sắm cho nhà thuốc bệnh viện, Bệnh viện kính mời các công ty sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh thuốc quan tâm phối hợp thực hiện một số nội dung cụ thể:

1. Báo giá các mặt hàng thuốc hiện đang kinh doanh đáp ứng các tiêu chí tại Phụ lục I đính kèm và báo giá theo biểu mẫu tại phụ lục 2 kèm theo.

2. Văn bản báo giá của công ty đề nghị gửi về Ds Triệu Hồng Mây – Khoa Dược – Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh (Địa chỉ: Phố Tuệ Tĩnh, phường Bạch Đằng, TP.Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh) trước **16h30 phút ngày 22/11/2024**

Đồng thời gửi kèm bản điện tử báo giá vào hòm thư: nhathuocbvtqn@gmail.com

Lưu ý: Bệnh viện ưu tiên tiếp nhận thông tin các thuốc có kết quả trúng thầu còn hiệu lực và đã được công bố trên trang thông tin của Cục Quản lý Dược (dav.gov.vn) hoặc trên mạng đấu thầu Quốc gia. Các đơn vị gửi kèm báo giá các Quyết định trúng thầu của các thuốc để thuận lợi cho việc tra cứu.

Trong quá trình triển khai nếu có vướng mắc đề nghị công ty liên hệ Khoa Dược – Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh, số điện thoại: 0852.551.222 để được hướng dẫn, giải đáp.

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng TT&HCQT (đăng tải lên CTTĐT);
- Lưu: VT, KD.



Nguyễn Bá Việt

PHỤ LỤC I

(Kèm theo Thông báo số 3254/TB-BVT ngày 12 tháng 11 năm 2024 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh)

STT	Mã thuốc mời báo giá	Tên hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Nhóm TCKT	Số lượng
1	NT129	Dutasteride; Tamsulosin hydrochloride	0,5mg; 0,4mg	Uống	Viên nang	Viên	Biệt dược gốc	3000
2	NT300	Drospirenon; Ethinylestradiol	3,0mg; 0,03mg	Uống	Viên	Viên	Biệt dược gốc	1764
3	NT405	Sildenafil (dưới dạng Sildenafil citrat)	50mg	Uống	Viên	Viên	Biệt dược gốc	1000
4	BSBD1	Mirabegron	50mg	Viên	Viên giải phóng có kiểm	Viên	Biệt dược gốc	600
5	BSBD3	Osimertinib (tương đương 95,4 mg Osimertinib mesylat)	80mg	Uống	Viên	Viên	Biệt dược gốc	300
6	BSBD10	Dienogest	2mg	Uống	Viên	Viên	Biệt dược gốc	1000
7	NT026	Febuxostat	80mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 4	15000
8	NT027	Febuxostat	40mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 2	9800
9	NT071.1	Ceftaroline fosamil	600mg	Truyền tĩnh mạch	Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Gói/Túi	Nhóm 1	300
10	NT124.2	Pembrolizumab	100mg/4ml; 4ml	Tiêm/tiêm truyền	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống	Nhóm 1	30
11	NT136.1	Dầu cá tự nhiên (Tuna) tương đương Omega-3 marine triglycerids (tương đương Acid eicosapentaenoic (EPA) và Acid docosahexaenoic (DHA)), Thiamin nitrat, Ribofalvin, Nicotinamid, Pyridoxine HCL, Calcium pantothenate (tương đương Acid pantothenic), Acid folic, Acid ascorbic, D-alpha-tocopherol tương đương Vitamin E, Sắt (dưới dạng Sắt fumarat), Magnesi (dưới dạng Magnesi oxid heavy), Kẽm (dưới dạng Kẽm sulfat monohydrat), Calcium (dưới dạng Calcium hydrogen phosphat), Dunaliella salina tương đương Betacaroten, Colecalciferol tương đương Vitamin D3,	160mg td (30mg+130mg)+5mg+5mg +5mg+5mg+5mg (td 4,5mg) + 400mcg+50mg+6,71mg(10IU) +5mg+28,5mg+8mg+46mg +3,34mg (1mg) +2,5mcg (100IU) +10mcg+75mcg	Uống	Viên nang	Viên	Nhóm 1	3588
12	NT180	Sacubitril + Valsartan	48,6mg + 51,4mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 2	35000
13	NT181	Sacubitril + Valsartan	24,3mg + 25,7mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 2	12000

STT	Mã thuốc mời báo giá	Tên hoạt chất	Nồng độ , Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Nhóm TCKT	Số lượng
14	NT194.2	Edoxaban	30mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1	500
15	NT194.3	Edoxaban	60mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1	500
16	NT194.4	Prasugrel	10mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1	500
17	NT209	Ubidecarenon	30mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 4	120000
18	NT225.1	Minoxidil	50mg/1ml; 100ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Chai/Lọ/Ống	Nhóm 1	300
19	NT230.2	Cyclosporin	100mg	Uống	Viên nang	Viên	Nhóm 2	1000
20	NT230.3	Cyclosporin	25mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 2	1000
21	NT275	Mosaprid citrat	5mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1	3400
22	NT280	L-Arginin + L-aspartat	200mg/1ml; 10ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Chai/Lọ/Ống/ Gói/Túi	Nhóm 4	32000
23	NT281	Curcuminoid	250mg	Uống	Viên nang	Viên	Nhóm 4	23600
24	NT282	Phospholipid đậu nành	300mg	Uống	Viên nang	Viên	Nhóm 5	57000
25	NT285	Alginat natri + Natri bicarbonat + Canxi carbonat	(500mg + 213mg + 325mg)/10ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Chai/Lọ/Ống/ Gói/Túi	Nhóm 1	43900
26	NT298	Etonogestrel	68mg	Cấy dưới da	Thuốc cấy dưới da	Que	Nhóm 1	20
27	NT306	Empagliflozin + Metformin hydroclorid	12,5mg + 1000mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1	9000
28	NT307	Dapagliflozin + Metformin hydroclorid	10mg + 500mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1	10000
29	NT336	Flurbiprofen	8,75mg	Ngâm	Viên	Viên	Nhóm 1	10000
30	NT372.4	Temazepam	10mg	uống	Viên	viên	Nhóm 1, 2,3,4,5	1000
31	NT373	Umeclidinium + vilanterol	55mcg + 22mcg/liều phóng thích (tương ứng với liều khí chưa phóng thích Umeclidinium 62.5mcg + Vilanterol 25mcg)x 30	Hít	Thuốc hít định liều/phun mù định liều	Bình/Hộp/Ch ai/Lọ/Ống	Nhóm 1	400
32	NT382	Indacaterol (dưới dạng Indacaterol maleat); Glycopyrronium (dưới dạng Glycopyrronium bromide)	(110mcg + 50mcg)/Viên x 30 viên	Hít	Thuốc hít định liều/phun mù định liều	Bình/Hộp/Ch ai/Lọ/Ống	Nhóm 1	410
33	NT387.1	Terbutalin sulfat+ Guaifenesin	(1,5mg + 66,5mg)/5ml;5ml	uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Chai/Lọ/Ống/ Gói/Túi	Nhóm 4	5000
34	NT388.1	Dextromethorphan.HBr + Clorpheniramin maleat + Trisodium citrat dihydrat + Ammonium chlorid + Glyceryl Guaiacolat	5mg + 1,33mg + 133mg + 50mg + 50mg	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Chai/Lọ/Ống/ Gói/Túi	Nhóm 4	600

STT	Mã thuốc mời báo giá	Tên hoạt chất	Nồng độ , Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Nhóm TCKT	Số lượng
35	NT400	Melatonin	3mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 4	32000
36	NT409	Calcium glutubionate; Calcium lactobionate	(1469,30mg/5ml + 319,91mg/5ml);10ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Chai/Lọ/Ống/ Gói/Túi	Nhóm 4	3000
37	NT410	Calcium glutubionate; Calcium lactobionate	(1469,30mg/5ml + 319,91mg/5ml);5ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Chai/Lọ/Ống/ Gói/Túi	Nhóm 4	600
38	NT413	Alpha lipoic acid	300mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 4	4500
39	NT415	Malva purpurea+ Camphor monobromid+ Xanh methylen	250mg+20mg+25mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 4	44000
40	NT416	Calci + Phospho + Vitamin D3 + Vitamin K1	120mg + 55mg + 2mcg + 8mcg	Uống	Viên nang	viên	Nhóm 1	450000
41	NT422	Cyanocobalamin	1mg/5ml;5ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Chai/Lọ/Ống	Nhóm 1	520
42	NT424.1	Acid docosa hexaenoic(DHA) +Acid eicosapentaenoic(EPA) + Marine omega-3 triglycerides	260mg + 60mg + 320mg	Uống	Viên nang	Viên	Nhóm 1	45000
43	NT425	Retinol (Vitamin A) + Cholecalciferol (Vitamin D3) + alpha-tocopherol (Vitamin E)+ Acid Ascorbic (Vitamin C) + Thiamine (Vitamin B1) + Riboflavin (Vitamin B12) + Pyridoxine (Vitamin B6)+ Cyanocobalamin (Vitamin B12) + Folic acid (Vitamin B9)+ Pantothenic acid (Vitamin B5) + Biotin (Vitamin B7) + Nicotinamide (Vitamin PP)	3500IU + 220IU + 11,2IU + 125mg + 3,51mg + 4,14mg + 4,53mg + 0,006mg +0,414mg + 17,25mg + 0,069mg+ 46mg	Tiêm/tiêm truyền	Thuốc tiêm đông khô	Chai/Lọ/Ống	Nhóm 1	3500
44	NT427	Hỗn hợp các acid amin và vitamin: L-Leucine, L-Isoleucine, Lysine HCl, L-Phenylalanine, L-Threonine, L-Valine, L-Tryptophan, DL-Methionine, Retinol palmitate, Thiamine nitrate, Riboflavin, Nicotinamide, Pyridoxine HCl, Calcium pantothenate, Cyanocobalamin, Folic acid, Ascorbic acid, Ergocalciferol, Tocopherol acetate 50%	9,15mg + 5,0mg + 25mg + 5,0mg + 5,0mg + 5,0mg + 5,0mg + 9,2mg + 1000 IU + 2,5mg + 1,5mg + 10mg + 5mg +2,5mg + 0,5mcg + 100mcg+ 25mg+ 100 IU + 10mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 2	84000
45	NT427.1	Alanine, Serine, Glycine, Threonine, Phenylalanine, Glutamine, Leucine, Valine, Lysine Hydrochloride, Aspartic acid, Tyrosine, Isoleucine, Cysteine Hydrochloride, Histidine Hydrochloride, Proline	21mg, 35mg, 21mg, 28mg, 35mg, 140mg, 60,2mg, 42mg, 54,95mg, 43,4mg, 37,45mg, 35mg, 7mg, 28mg, 112mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 5	30000

STT	Mã thuốc mời báo giá	Tên hoạt chất	Nồng độ , Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Nhóm TCKT	Số lượng
46	NT430.1	Kẽm gluconat, Đồng gluconat, Mangan gluconat, Natri fluorid, Kali iodid, Natri selenit, Natri molybdat, Crom clorid, Sắt gluconat	Mỗi 10ml chứa 69700,00 mcg, 2142,40 mcg, 445,69 mcg, 2099,50 mcg, 170,06 mcg, 153,32 mcg, 42,93 mcg, 30,45 mcg, 7988,20 mcg	Tiêm/tiêm truyền	Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/ Gói/Túi	Nhóm 1	500
47	NT434	Tolvaptan	15mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 2	100
48	NT435	17β-Estradiol + Dydrogesteron	1mg;10mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1	500
49	NT436	Fluticasone furoate + Umeclidinium + Vilanterol	(100mcg +62,5mcg + 25mcg)/1 liều x 30 liều	Hít	Thuốc hít định liều/phun mù định liều	Bình/Hộp/Chai/Lọ/Ống	Nhóm 1	500
50	NT437	Budesonid, Glycopyrronium, Formoterol fumarat dihydrat	(Budesonid 160mcg, Glycopyrronium 7,2mcg, Formoterol fumarat	Hít	Thuốc hít định liều/phun mù định liều	Bình/Hộp/Chai/Lọ/Ống	Nhóm 1	500

Tổng số 50 khoản



PHỤ LỤC II
BẢNG CUNG CẤP THÔNG TIN VÀ CHÀO GIÁ
(Kèm theo Thông báo số 3254/TB-BVT ngày 12/11/2024 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh)

Tên đơn vị:
Địa chỉ, số điện thoại liên hệ:

DANH MỤC BÁO GIÁ THUỐC

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh

Căn cứ Thông báo số ngày của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh

Chúng tôi (tên đơn vị.....) xin gửi đến Quý Bệnh viện báo giá và thông tin của hàng hóa như sau:

STT	Mã thuốc mời báo giá	Phân Nhóm TCKT theo TT số 07/2024/TT-BYT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Đường dùng	Nồng độ - Hàm lượng	Dạng bào chế	SDK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Giá KK/KKL còn hiệu lực (VNĐ)	Đơn giá có VAT (VNĐ)	Giá trúng thầu 12 tháng gần nhất			Ghi Chú
															Giá trúng thầu (VNĐ) (Có VAT)	Số QĐ phê duyệt trúng thầu, đơn vị trúng thầu	Ngày QĐ phê duyệt trúng thầu	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
1																		
...																		
Ghi chú: Đơn giá là giá đã bao gồm toàn bộ các loại thuế, phí, chi phí vận chuyển và các chi phí cần thiết để cung ứng đến Nhà thuốc Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh (Gửi kèm báo giá: 01 bản Quyết định trúng thầu trong 12 tháng gần nhất, 01 bản chụp đăng ký kinh doanh của đơn vị và 01 bản Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh (đóng dấu treo của Công ty))																		

Báo giá có hiệu lực kể từ ngày .../.../... đến ngày .../.../...

Đại diện hợp pháp của
đơn vị báo giá (ghi tên, chức danh, ký
tên và đóng dấu)